



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Địa chỉ: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Tel: 0238.3866170; Fax: 0238.3866648

Nghệ An, ngày 02 tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai xin gửi tới Quý Cổ đông lời chào trân trọng và và hợp tác.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, Hội đồng quản trị công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai đã gửi thư mời Quý cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 16/4/2020. Tuy nhiên, để thực hiện phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh COVID-19 theo đúng yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai đã thực hiện các thủ tục xin ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định và gửi thư thông báo tới các Quý Cổ đông tạm dừng tổ chức Đại hội cổ đông thường niên vào ngày 16 tháng 4 năm 2020.

Đến nay, dịch COVID- 19 đã được Việt Nam khống chế và việc tổ chức đại hội được cho phép, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 cụ thể như sau:

1. Thời gian tổ chức:

- Thời gian: 08 giờ 00 phút ngày 17/6/2020.
- Địa điểm: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- Địa chỉ: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

2. Nội dung chính của Đại hội:

- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019; Báo cáo kết quả SXKD năm 2019.
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;
- Thông qua báo cáo trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2019;
- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020;
- Thông qua Báo cáo chi trả thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2020;
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty;
- Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh tại Điều lệ công ty;
- Một số nội dung liên quan khác.

3. Tài liệu đại hội: Quý cổ đông có thể nhận tại:

- Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai – Phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, hoặc:
- Truy cập và download từ website của Công ty: <http://www.ximanghoangmai.com.vn>



4. Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội xin vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;
- Thông báo mời họp;
- Giấy ủy quyền và Thông báo mời họp của người ủy quyền (trường hợp Quý cổ đông được ủy quyền tham dự Đại hội).

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông!



Hoàng Mai, ngày 10 tháng 3 năm 2020

**QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

Đại hội được tiến hành một cách trật tự, đúng quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ công ty và hoàn thành chương trình Đại hội đã được Quý cổ đông thông qua.

Ban tổ chức Đại hội kính trình Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội với các nội dung như sau:

1. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1.1. Tất cả những người tham dự Đại hội mặc trang phục chỉnh tề, gọn gàng.

1.2. Cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự đại hội, nên ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định; tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.

1.3. Không hút thuốc lá trong Phòng họp đại hội.

1.4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong Phòng đại hội (tắt máy điện thoại hoặc để chế độ rung, không có chuông).

2. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

2.1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp 01 THẺ BIỂU QUYẾT in trên bì màu vàng. Trên mỗi THẺ BIỂU QUYẾT có ghi mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền của cổ đông và có đóng dấu của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

2.2. Cách biểu quyết: Đoàn chủ tịch xin ý kiến Đại hội biểu quyết lần lượt từng phương án “đồng ý”, “không đồng ý” và “ý kiến khác” nếu có. Cổ đông biểu quyết (*đồng ý, không đồng ý hoặc ý kiến khác*) một vấn đề bằng cách giơ THẺ BIỂU QUYẾT. Khi biểu quyết, mặt trước của THẺ BIỂU QUYẾT được hướng về phía Đoàn chủ tịch.

2.3. Thông qua các vấn đề của đại hội: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong cuộc họp được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp chấp thuận. Riêng quyết định liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; giao dịch mua, bán tài sản, hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

3.1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải xin phép và phát biểu khi Đoàn chủ tịch đồng ý.

3.2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Đoàn chủ tịch sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

4. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH

4.1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

4.2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

4.3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong Đại hội.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

5.1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn bảo lưu tại Đại hội.

5.2. Soạn thảo Biên bản họp đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

6. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

6.1. Tiến hành kiểm phiếu ngay tại Đại hội, lập Biên bản kiểm phiếu Báo cáo đại hội kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại đại hội;

6.2. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết;

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Kính trình Đại hội thông qua./.

**T/M BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Đình Quang Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI NĂM 2020

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Tên tôi là (tổ chức/cá nhân):

CMND/GPĐKKD số: ngày cấp..... Nơi cấp:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:

Số cổ phần sở hữu:cổ phần
(Bằng chữ:))

ỦY QUYỀN CHO

Ông (bà):

CMND số: ngày cấp.....Nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Số cổ phần được ủy quyền:.....

(Bằng chữ:.....)

Được thay mặt tôi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

....., ngày tháng năm 2020

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký & ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký & ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

- Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì cần có thêm chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức;
- Quý cổ đông có thể ủy quyền tham dự đại hội để thực hiện mọi quyền lợi của Quý cổ đông tới:
 - Ông Đinh Quang Dũng – Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai
 - Ông Nguyễn Quốc Việt- U.V HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.



TCTY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Số: 01 /XMHM-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 28 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban kiểm soát trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai

- Căn cứ Chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai (sau đây gọi tắt là Công ty);
 - Căn cứ báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
 - Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2019,
- Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2019 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Các công tác đã thực hiện năm 2019

- Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty;
- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty năm 2019, cụ thể:
 - Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong năm 2019;
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đối với HĐQT và Ban Điều hành;
 - Thẩm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra;
 - Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật;
- Năm 2019, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:
 - Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty;
 - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty;
 - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng, năm.

- Ban kiểm soát đã ban hành lại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ thay thế cho Quy chế cũ ban hành tại Quyết định số 12/QĐ-XMHH ngày 26/12/2008.

2. Kế hoạch định hướng năm 2020

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2020 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, tình hình thực hiện các các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty;
- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- Tham gia cùng các phòng ban chức năng rà soát để ban hành, sửa đổi hoặc bổ sung các quy chế, quy định nội bộ theo kiến nghị của Vicem cũng như kiến nghị của các đoàn thanh tra nhà nước...
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời đưa ra các ý kiến đóng góp đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật (và công ty), đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm;

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty như sau:

- Nghị quyết 04/NQ-XMHH-HĐQT ngày 18/01/2019 Thống nhất thông qua Quy chế thi đua khen thưởng (sửa đổi) của Công ty;

- Nghị quyết 12/NQ-XMHH-HĐQT ngày 15/03/2019 thống nhất điều động và bổ nhiệm các chức danh Trưởng Ban đầu tư xây dựng, Quản đốc Xưởng Sửa chữa và Quản đốc Xưởng Nguyên liệu;

- Nghị quyết 13/NQ-XMHH-HĐQT ngày 15/03/2019 Thống nhất phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 của Công ty; Thống nhất ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký kết và thực hiện các Hợp đồng tín dụng, các giao dịch tài chính; Thống nhất chủ trương thành lập Xí nghiệp Khai thác mỏ và Xí nghiệp Dịch vụ công nghiệp; Thống nhất thời gian tổ chức và thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Nghị quyết 15/NQ-XMHH-HĐQT ngày 25/03/2019 Thống nhất giao cho Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký Hợp đồng chuyển nhượng Dự

án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hội với Tổng công ty Xi măng Việt Nam theo quy định và Hợp đồng chỉ có giá trị thực hiện khi các cơ quan có thẩm quyền thống nhất cho chuyển nhượng Dự án;

- Nghị quyết 26/NQ-XMHM-HĐQT ngày 12/07/2019 Thống nhất sửa đổi CCTC bộ máy của Công ty: Thành lập Ban Đầu tư xây dựng, Xí nghiệp Khai thác Mỏ, Xí nghiệp Dịch vụ Công nghiệp và đổi tên một số đơn vị trong Công ty;

- Nghị quyết 27/NQ-XMHM-HĐQT ngày 12/07/2019 Thống nhất thông qua Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai;

- Nghị quyết 34/NQ-XMHM-HĐQT ngày 25/07/2019 thống nhất bổ nhiệm ông Lê Trung Kiên- Trưởng Ban Đầu tư xây dựng và ông Lê Quý Thạch- Trưởng phòng Hành chính quản trị giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai;

- Nghị quyết 51/NQ-XMHM-HĐQT ngày 04/10/2019 Thống nhất phê duyệt các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật năm 2019 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai;

- Nghị quyết 53/NQ-XMHM-HĐQT ngày 10/10/2019 Thống nhất thông qua định hướng kế hoạch SXKD năm 2020 và giao Tổng giám đốc ký báo cáo kế hoạch SXKD năm 2020 gửi Tổng công ty để thoả thuận;

- Nghị quyết 56/NQ-XMHM-HĐQT ngày 23/10/2019 Thống nhất quyết định gia hạn thời gian phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 đến khi có ý kiến chấp thuận của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Nghị quyết 62/NQ-XMHM-HĐQT ngày 19/11/2019 thống nhất bổ nhiệm lại ông Đặng Ngọc Long giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty và bà Đậu Thị Nga giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai;

- Nghị quyết 71/NQ-XMHM-HĐQT ngày 29/11/2019 Thống nhất ông Trần Việt Hồng và ông Lê Quý Thạch thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai để nhận công tác mới theo Quyết định điều động cán bộ của VICEM;

- Nghị quyết 79/NQ-XMHM-HĐQT ngày 29/11/2019 Thống nhất dừng thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;

- Nghị quyết 81/NQ-XMHM-HĐQT ngày 31/12/2019 Thống nhất tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai – Xí nghiệp Bê tông và Xây dựng;

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp cùng với Ban Điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019;

- Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2019, Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp Công ty cố gắng thực hiện kế hoạch được giao:

+ Sản lượng clinker sản xuất năm 2019 đạt 1.431.803 tấn, vượt 2,27% kế hoạch và tăng 2,26 % so với cùng kỳ, là sản lượng sản xuất cao nhất trong các năm từ trước đến nay.

+ Tình hình thị trường xi măng vẫn trong tình trạng cung vượt cầu- cạnh tranh khốc liệt. Mặc dù, Công ty đã nỗ lực để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, gia tăng sản lượng, tuy nhiên tổng sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 1.905.148 tấn, bằng 94,31% kế hoạch và bằng 95,25% so với năm 2018.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 24,6 tỷ đồng bằng 65% so với kế hoạch và tăng 06% so với thực hiện năm 2018 (Lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 23,2 tỷ đồng).

- Về công tác đầu tư xây dựng: Công tác đầu tư xây dựng trong năm 2019 triển khai chậm so với tiến độ đặt ra, một trong những nguyên nhân chính là do việc thực hiện các dự án phụ thuộc nhiều đến quyết định của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Về công tác tài chính kế toán: Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật của Việt Nam. Đối với khoản phải thu đã thực hiện thu hồi bảo lãnh công nợ tại ngày 31/12/2019 đạt 90% trong đó công nợ xi măng GTNT còn lại 24,6 tỷ, giảm 10,4 tỷ so với đầu kỳ.

- Về công tác tổ chức nhân sự: Trong năm 2019, Công ty đã và đang hoàn thiện Đề án tái có cấu công ty giai đoạn 2019- 2025; đã thực hiện tổ chức lại sản xuất theo chủ trương chung của Tổng công ty, đã tiến hành rà soát lại lao động để giảm số lao động dư thừa đồng thời có chương trình hỗ trợ đối với người lao động chấm dứt hợp đồng lao động. Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2019 là 858 người, giảm 09 người so với thời điểm 01/01/2019. Quỹ tiền lương người lao động năm 2019 là 114.711 triệu đồng, mức tiền lương bình quân của người lao động là 11.056.000 đồng/người/tháng, tăng 6,8% so với năm 2018 (tiền lương bình quân năm 2018 là 10.349.000 đồng/người/tháng).

IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành;

- Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết;

- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu trong năm 2019 như sau:

Nội dung	Đvt	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019 (Theo NQ ĐHĐCĐ 2019)	Thực hiện 2019	TH 2019/ KH 2019	TH2019/ TH 2018
1. Sản lượng sản xuất						
+ Clinker	Tấn	1.400.097	1.400.000	1.431.803	102%	102%
+ Xi măng gồm gia công	Tấn	1.884.328	1.980.000	1.550.200	78%	82%
2. Sản lượng tiêu thụ	Tấn	2.000.955	2.020.000	1.905.148	94%	95%
+ Clinker	Tấn	135.484	40.000	366.686	917%	271%
+ Xi măng	Tấn	1.865.471	1.980.000	1.538.463	78%	82%
3. Doanh thu thuần	Tỷ.đ	1.734,4	1.877,0	1.652,7	88%	95%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	23,2	38,0	24,6	65%	106%
5. Mức cổ tức dự kiến	%/năm	0%	3%	4%	133%	-

Ngoài chỉ tiêu clinker sản xuất còn lại các chỉ tiêu khác đều không đạt so với kế hoạch giao trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019, trong đó: sản lượng sản xuất clinket đạt 1,43 triệu tấn vượt 2%, tổng sản lượng tiêu thụ đạt trên 1,9 triệu tấn bằng 78%, doanh thu thuần bằng 94% và lợi nhuận trước thuế đạt 65% so với kế hoạch giao.

3. Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019

3.1. Các chỉ tiêu phân tích tài chính

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019	Năm 2018
1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	64,85	63,51
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	35,15	36,49
2. Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	37,70	44,07
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	62,30	55,93
3. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,50	0,51
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,01	0,87
4. Tỷ suất sinh lời			
- Lợi nhuận TT/Doanh thu thuần	%	1,49	1,34
- Lợi nhuận TT/Vốn chủ sở hữu	%	2,58	2,47

Đánh giá chung:

- Cơ cấu vốn, nguồn vốn của Công ty có thay đổi so với năm 2018, cụ thể Nợ phải trả/tổng nguồn vốn giảm 6,37%.

- Chỉ số khả năng thanh toán hiện hành trong năm 2019 tăng so với năm 2018 cho thấy khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn của Công ty tốt hơn so với 2018, Công ty cần có biện pháp tích cực hơn để giảm thiểu lượng hàng tồn kho, giảm vay vốn ngắn hạn và quản lý tốt dòng tiền.

3.2. Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/nợ phải trả ngắn hạn là 1,01 lần, Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn;

- Tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 60,5%. Tỷ lệ này cho thấy nợ phải trả chiếm tỷ lệ nhỏ hơn vốn chủ sở hữu, và Công ty đang có đủ vốn tự có để hoạt động;

- Phải thu của khách hàng tại ngày 31/12/2019 là 146 tỷ đồng, bằng 8,8% doanh thu 2019 của Công ty, tỷ lệ này giảm so với thời điểm 31/12/2018 là 168 tỷ đồng bằng 9,7% doanh thu năm 2018, cho thấy dòng vốn lưu động tốt hơn năm trước do Công ty đã chủ động làm tốt công tác thu hồi công nợ tiền hàng, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

V. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2019

1. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thì Đại hội thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 2% và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 1%. Tuy nhiên Công ty đã dùng thực hiện việc tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tại Nghị quyết số 79/NQ-XMHM-HĐQT ngày 31/12/2019.

2. Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Công ty đã thực hiện lựa chọn Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.

3. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Công ty đã nỗ lực để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 tuy nhiên kết quả đạt được thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

VI. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, rà soát và xây dựng lại định mức để tiết giảm chi phí đảm bảo nâng cao hiệu quả và thu nhập cho người lao động.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản trị nợ phải thu khách hàng, giảm vốn bị chiếm dụng, không để phát sinh thêm nợ khó đòi, đối với các khoản nợ khó đòi hiện tại tiếp tục đánh giá, rà soát lại để có phương án thu hồi.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, ban hành lại một số Quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo tính pháp lý trong quản lý.

- Đánh giá hiệu quả các sản phẩm chủ lực trên cơ sở phân bổ chi phí hợp lý, từ đó tập trung phát triển cho các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao, tỷ lệ đóng góp doanh thu và lợi nhuận lớn. Tiếp tục giữ vững thị trường cốt lõi Nghệ An, mở rộng và phát triển thị trường mục tiêu Miền Trung, đảm bảo nguồn hàng ổn định, xây dựng hệ thống logistic và nhà phân phối vững mạnh, tạo thuận lợi khi dây chuyền 2 đi vào hoạt động.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho, có phương án mua sắm hàng hóa, vật tư phụ tùng tối ưu, giảm tỷ lệ hàng tồn kho chậm luân chuyển...


Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu: BKS.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /TTr-BKS

Nghệ An, ngày 28 tháng 02 năm 2020

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC THÔNG QUA LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP xi măng VICEM Hoàng Mai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai;

Căn cứ yêu cầu công tác tổ chức hoạt động và quản lý của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai,

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín và được chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất

Để chuẩn bị cho việc kiểm toán tài chính năm 2020, Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
3. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt,

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Lưu: BKS.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Tuấn

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng quản trị,
Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2019; Kế hoạch chi trả năm 2020**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán chi trả lương, thù lao năm 2019 và phương án chi trả lương, thù lao năm 2020 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty như sau:

1. Thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2019

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 02/2019/NQ – ĐHĐCD ngày 25/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS, Thư ký Công ty như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 08 triệu đồng/người/tháng
- Các thành viên HĐQT : 06 triệu đồng/người/tháng
- Các thành viên Ban Kiểm soát : 04 triệu đồng/người/tháng
- Thư ký Công ty : 04 triệu đồng/người/tháng

Tổng mức thù lao đã chi trả trong năm 2019 là: 576.000.000 đồng.

Đối với Trưởng Ban Kiểm soát Công ty làm việc chuyên trách, Công ty không thực hiện chi trả thù lao mà hưởng lương người quản lý chuyên trách.

2. Kế hoạch thù lao năm 2020

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị chi trả mức lương, thù lao cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty tương tự như mức thù lao đã thực hiện năm 2019, cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 08 triệu đồng/người/tháng
- Các thành viên HĐQT : 06 triệu đồng/người/tháng
- Các thành viên Ban Kiểm soát : 04 triệu đồng/người/tháng
- Thư ký Công ty : 04 triệu đồng/người/tháng

- Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương theo Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty tương đương chức danh Trưởng đơn vị, ngạch lương 7 - Hệ thống thang bảng lương ban hành theo Quyết định số 67/QĐ-XMHM-HĐQT ngày 14/08/2014 của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đinh Quang Dũng

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
SXKD NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020 với những nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM 2019

1. Thuận lợi:

- Năm 2019 là năm Việt Nam đạt được những chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực, đạt tương đối đồng bộ các mục tiêu tổng quát đã được Quốc hội đề ra; là năm thứ 2 liên tiếp đạt và vượt toàn bộ 12/12 chỉ tiêu Quốc hội giao. GDP đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9%, đóng góp 50,4% vào mức tăng chung. Chính sách tiền tệ được điều hành hiệu quả, giữ ổn định thị trường ngoại tệ, tỷ giá; dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng mạnh.

- Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2019 đạt 2.047 nghìn tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm 2018 và bằng 33,9% GDP.

- Thị trường xi măng nội địa tiếp tục tăng trưởng, tổng sản lượng xi măng, clinker tiêu thụ năm 2019 khoảng 98 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2018. Trong đó, xi măng tiêu thụ nội địa khoảng 67 triệu tấn, tăng 1%, xuất khẩu sản phẩm xi măng và clinker khoảng 31 - 32 triệu tấn, tương đương năm trước, giá trị xuất khẩu ước đạt 1,27 tỉ USD.

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, ủng hộ của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam trong công tác sản xuất, kinh doanh và sự quan tâm, ủng hộ của các cấp chính quyền.

2. Khó khăn:

- Giá nguyên, nhiên vật liệu năm 2019 có xu hướng tăng, đặc biệt chi phí năng lượng tăng gây ra khó khăn cho ngành xi măng, cụ thể: Giá điện tăng thêm 8,36% kể từ ngày 20/3/2019, theo đó giá điện bình quân đã tăng từ 1.720 đồng lên 1.850 đồng/KWh (chưa gồm VAT). Giá điện tăng tác động mạnh đến chi phí năng lượng trong giá thành sản phẩm của clinker và xi măng.

- Bộ Công thương và Thương mại Philippines (DTI) áp dụng biện pháp tự vệ trong 3 năm tới với xi măng nhập khẩu từ Việt Nam. Biện pháp này đã có hiệu lực từ ngày 18/9/2019. Điều này sẽ làm ảnh hưởng giảm sản lượng và giảm hiệu quả khi xuất khẩu xi măng sang Philippines.

- Thị trường xi măng trong nước vẫn trong tình trạng “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt. Nguồn cung tại miền Trung gia tăng khi

dây chuyền 3 xi măng Thành Thắng (Hà Nam) và xi măng Nam Đông (Thừa Thiên Huế) ra mắt sản phẩm mới trên thị trường. Các Nhà máy có công suất lớn như: Thành Thắng, Xuân Thành, Long Sơn, Hạ Long, SCG đã và đang đầu tư kho vận, trạm phân phối để mở rộng thị trường Miền Trung - Tây nguyên.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019	Thực hiện 2019	% TH 2019/ KH 2019	% TH 2019/ TH 2018
A	SẢN XUẤT						
1	Clinker	Tấn	1.400.096	1.400.000	1.431.803	102%	102%
2	Xi măng (bao gồm gia công)	Tấn	1.884.328	1.980.000	1.550.200	78%	82%
B	TIÊU THỤ						
1	Tổng SLTT	Tấn	2.000.955	2.020.000	1.905.148	94%	95%
	<i>Clinker</i>	Tấn	135.484	40.000	366.686	917%	271%
	<i>Xi măng</i>	Tấn	1.865.471	1.980.000	1.538.463	78%	82%
C	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH						
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.734.376	1.877.783	1.652.709	88%	95%
2	Lợi nhuận Trước thuế TNDN	Triệu đồng	23.192	38.009	24.637	65%	106%

2. Đánh giá chung các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

2.1. Đánh giá công tác sản xuất clinker - xi măng

Sản lượng Clinker thực hiện năm 2019 là 1.431.803 tấn, bằng 102% sản lượng thực hiện năm 2018 và tăng 02% so với nghị quyết ĐHCĐ năm 2019. Đối với sản lượng xi măng sản xuất trong năm 2019 đạt 1.884.328 tấn bằng 82% so với năm 2018 và giảm 22% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019. Với những kết quả trên, Công ty đánh giá những mặt đã làm được và chưa làm được cụ thể như sau:

2.1.1. Những nội dung đã làm được:

Trong năm 2019, đối với công tác sản xuất, Công ty đã thực hiện tốt những nội dung chính, cơ bản như sau:

+ Duy trì lò nung hoạt động dài ngày, năng suất cao (thời gian chạy lò đạt 336 ngày với năng suất bình quân đạt 4251 tấn/ ngày, tăng 3% so với năm 2018 (năm 2018 năng suất bình quân đạt 4.126 tấn/ngày).

+ Chất lượng clinker, xi măng sản xuất đạt yêu cầu (hoạt tính clinker >55 N/mm², 100% sản lượng xi măng xuất xưởng đạt chất lượng).

+ Công ty đã chủ động trong công tác điều hành sản xuất hàng ngày, xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn sát thực tế, tổ chức chỉ đạo, giám sát công tác sửa chữa đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ.

+ Trong đợt sửa chữa tháng 5/2019, Công ty đã thực hiện được nhiều nội dung quan trọng như: sửa chữa, phục hồi lại cyclone C1 đúng như kích thước nguyên bản của LVT đã cải tạo năm 2016; cải tạo ống lồng cyclone C5,C3 theo đúng kích thước yêu cầu của FCB; thay thế làm mới ống trút liệu đáy cyclone C4,C5 bằng vật liệu chống bám dính.

+ Công ty đã hoàn thiện báo cáo phương án sửa chữa và xử lý nút thắt công nghệ chuẩn bị triển khai thực hiện trong năm 2020 nhằm nâng cao năng suất, cải thiện hiệu suất lò nung.

+ Đầu tư lắp đặt 2 trạm cân điện tử tại Mỏ đá vôi Hoàng Mai B và Mỏ đá sét Quỳnh Vinh, việc xác định sản lượng đá vôi và đá sét đã được thực hiện qua hệ thống cân.

+ Hoàn thành xong việc gia công lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống tiếp nhận xỉ lò cao, nhà kho chứa xỉ.

+ Hệ thống quan trắc khí thải online đã được triển khai thực hiện lắp đặt, chạy thử và hoàn thiện và đã được kết nối tới Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Nghệ An, các chỉ số quan trắc tự động về môi trường luôn được kiểm soát và đạt yêu cầu.

+ Hoàn thiện cải tạo, chuyển đổi hệ thống lọc bụi tĩnh điện công đoạn nghiền xi măng, chuyển sang hệ thống lọc bụi túi; sau khi cải tạo, chuyển đổi, bụi phát thải tại công đoạn nghiền xi măng giảm từ 80 mg/m³ khí xuống chỉ còn dưới 30 mg/m³ khí, đảm bảo các yêu cầu khắt khe về môi trường.

+ Hoàn thiện các hạng mục cho công tác phân loại, xử lý và đốt rác thải cho nhà máy. Năm 2019, thực hiện chủ trương đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ thạch cao và các sản phẩm phế thải công nghiệp khác của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất... với mục tiêu bảo vệ môi trường, giảm sử dụng tài nguyên khoáng sản, Công ty đã triển khai thử nghiệm và đưa vào sản xuất xi măng có hiệu quả các loại tro, xỉ từ các nhà máy gang thép, nhiệt điện và hiện nay công ty đang tiến hành chạy thử nghiệm bùn thải lấy từ Nhà máy gang thép để thay thế một phần đá sét trong sản xuất bột liệu.

2.2.2. Những khó khăn, tồn tại:

Bên cạnh những nội dung Công ty đã thực hiện tốt trong lĩnh vực sản xuất năm 2019 vẫn còn những khó khăn, tồn tại cần sự hỗ trợ, giúp đỡ của Tổng công ty và sự nỗ lực phấn đấu của Công ty để thực hiện tốt trong năm 2020 cụ thể như sau:

+ Chưa giải quyết triệt để được các nút thắt công nghệ trong dây chuyền như: khả năng cháy của calciner, hiệu suất lắng của tháp trao đổi nhiệt, hiệu suất làm nguội của cooler...

+ Năng suất của máy nghiền xi măng và máy đóng bao mặc dầu đã được cải thiện nhưng chưa đáp ứng như kỳ vọng và có những thời điểm chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu xuất hàng tiêu thụ.

+ Hàm lượng vật liệu sét cứng tại Mỏ sét Quỳnh Vinh chiếm trên 60% gây khó khăn trong việc khai thác và ảnh hưởng nhiều đến chất lượng phối liệu.

+ Tiêu hao than cho sản xuất clinker thực hiện trong năm 2019 đã giảm so với những năm trước, tuy nhiên chưa đạt được mục tiêu, nguyên nhân chính là Công ty chưa giải quyết được các nút thắt công nghệ trong dây chuyền sản xuất.

2.2. Tình hình tiêu thụ sản phẩm xi măng – clinker năm 2019

2.2.1. Kết quả tiêu thụ clinker - xi măng

Năm 2019, tình hình thị trường xi măng vẫn trong tình trạng cạnh tranh vượt cầu vượt cung. Tuy nhiên, Công ty đã nỗ lực để thúc đẩy tiêu thụ, gia tăng sản lượng, tuy nhiên tổng sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 1.905.148 tấn, bằng 94% kế hoạch và bằng 95% so với năm 2018.

2.2.2. Đánh giá công tác tiêu thụ sản phẩm xi măng, clinker

❖ *Những việc đã làm được trong công tác tiêu thụ:*

- *Trong công tác tương tác giữa khối sản xuất – tiêu thụ:* đã có sự phối hợp tốt trong điều hành sản xuất, cân đối tồn kho nhằm gia tăng sản lượng clinker tiêu thụ theo từng thời điểm, thực hiện gia công đáp ứng nguồn hàng cho khách hàng tại địa bàn xa nhà máy.

- *Trong công tác quản lý địa bàn tiêu thụ:*

+ Vicem Hoàng Mai đã cơ bản tái cơ cấu thị trường, quy hoạch lại hệ thống cửa hàng VLXD tại các địa bàn tiêu thụ, đặc biệt tại địa bàn Nghệ An và Hà Tĩnh (là địa bàn có hệ thống cửa hàng VLXD lớn và có sự ảnh hưởng lớn bởi các cửa hàng VLXD kiêm nhà xe). Hệ thống nhà phân phối được phân chia địa bàn, hệ thống cửa hàng tương đối rõ ràng, làm cơ sở để kiểm soát tiêu thụ, chính sách bán hàng, từng bước tăng hiệu quả cho hệ thống.

+ Vicem Hoàng Mai thực hiện ổn định mặt bằng giá bán tại các địa bàn thông qua việc ban hành chính sách bán hàng và quy hoạch, cơ cấu lại hệ thống phân phối hiệu quả.

- *Trong công tác phát triển thị trường, thương hiệu và công tác khác:*

+ Khắc phục và phục hồi bất cập về hệ thống phân phối tại thị trường Vinh và các huyện phụ cận.

+ Giữ vững và gia tăng sản lượng tiêu thụ, thị phần tại các tỉnh có thị phần Vicem còn thấp như Đà Nẵng, Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk, Ninh Thuận, Bình Thuận.

+ Gia tăng sản lượng XM bao và rời tại Hà Tĩnh, duy trì được giá bán và tăng thị phần; Gia tăng sản lượng xi măng bao tại Tỉnh Gia-Thanh Hóa, giữ vững thị phần tiêu thụ.

+ Xử lý kịp thời các khiếu nại về chất lượng sản phẩm, dịch vụ sau bán hàng.

+ Triển khai thành công chương trình đặt hàng online DMS, ứng dụng công nghệ thông tin 4.0 và áp dụng chính sách bán hàng cho các cửa hàng tại Nghệ An, Hà Tĩnh.

+ Phối hợp cùng nhà phân phối thực hiện đăng ký nhãn hiệu PS Mark mới cho chủng loại xi măng C150 type 1 và C595 type 1P, mở rộng hệ thống tại Philippines (Vicem Hoàng Mai Max).

+ Sắp xếp, bố trí lại nhân viên thị trường tại địa bàn Nghệ An, bước đầu cơ cấu lại bộ máy XNTT.

+ Tham gia các chương trình an sinh xã hội, vì cộng đồng tại Nghệ An, Hà Tĩnh qua đó phát triển hình ảnh thương hiệu.

❖ *Một số yếu tố làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ trong năm 2019:*

Những yếu tố khách quan:

+ *Nguồn cung tại chỗ ở các địa bàn chính* đang ở mức rất cao: hiện nay, nguồn cung tại chỗ tại các thị trường cốt lõi, mục tiêu của Vicem Hoàng Mai như Thanh Hóa, Nghệ An đang ở mức rất cao, các dây chuyền mới có công suất lớn, tổng cộng khoảng trên 20 triệu tấn. Việc này đã gây áp lực lên năng lực cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực PCB40, PCB30 tại Nghệ An, Thanh Hóa và Hà Tĩnh.

+ *Đối với xuất khẩu xi măng:* mặc dù năm 2019, Công ty đã làm việc với các Nhà phân phối (NPP) để triển khai kế hoạch tiêu thụ, tuy nhiên sản lượng tiêu thụ xi măng xuất khẩu năm 2019 chỉ đạt 265.600 tấn, giảm gần 90.000 tấn so với kế hoạch, nguyên nhân do:

-Từ đầu năm 2019, Bộ Công nghiệp và thương mại Philippines (DTI) đã quyết định áp thuế phòng vệ tạm thời (khoảng 4 USD/tấn) để bảo vệ cũng như thúc đẩy ngành sản xuất trong nước. Đến tháng 9/2019, DTI chính thức áp thuế phòng vệ cho Vicem Hoàng Mai năm đầu tiên với mức 250 peso/tấn (112.500 đồng/tấn) khiến công tác tiêu thụ xi măng xuất khẩu ngày càng khó khăn.

-Tại Lào, hệ thống cửa hàng chuyển sang tiêu thụ xi măng được sản xuất tại chỗ do Trung Quốc đầu tư như: XM Na hủn (Bolikhămxay), Văng Viêng, Khăm muôn (Xiêngkhoảng) được chính quyền tạo điều kiện. Nhà phân phối xi măng Vicem Hoàng Mai đang khó khăn thu hồi công nợ với các khách hàng tại đây.

+ *Khó khăn tại thị trường Miền Trung - Tây nguyên:*

-Công tác logistic từ Nhà máy vào khu vực Miền Trung - Tây Nguyên đối mặt với nhiều thách thức, nguồn xe vận tải vào Miền Trung ít hơn nhiều so với các năm trước nên các NPP phải chuyển hướng vận tải bằng đường biển làm hao tổn nguồn lực, thời gian điều hành, dẫn đến hiệu quả chung thấp và khó chủ động do yếu tố thời tiết.

-Yếu tố thời tiết không thuận lợi đã ảnh hưởng rất nhiều đến việc thực hiện Kế hoạch tiêu thụ tại khu vực Miền Trung Tây nguyên. Đơn cử, trong 2 tháng cuối năm 2019, Công ty và các Nhà phân phối thống nhất mục tiêu là 56.000 tấn và có kế hoạch bố trí tàu, kho bãi. Thực tế nhu cầu của khách hàng tại Miền Trung cũng rất cần nhưng các tàu bị cấm biển do ảnh hưởng của trên 7 đợt gió mùa, bão số 5, 6. Vì vậy sản lượng tiêu thụ trong tháng 11, 12/2019 chỉ đạt 43.800 tấn, giảm 12.200 tấn so với Kế hoạch.

Những yếu tố nội tại:

+Tại địa bàn tại Nghệ An:

-Hầu hết các nhà phân phối, cửa hàng lớn tiêu thụ xi măng Vicem Hoàng Mai cũng đang là nhà phân phối hoặc đang tiêu thụ xi măng cạnh tranh nên nguồn lực phân tán.

329295
TY C
VICEM
G MA
I-T.NGH

- Vai trò ảnh hưởng của NPP tại một số địa bàn trọng yếu không nhiều (Nghị Lộc, Yên Thành, Hoàng Mai, Quỳnh Lưu).

- Sự phối hợp thị trường giữa các xi măng nằm ở phân khúc giá cao như Nghi Sơn, Bỉm Sơn và Hoàng Mai trong các đợt tăng giá, chính sách chiết khấu, khuyến mại chưa đồng nhất, gây biến động mặt bằng giá bán đến cửa hàng, đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của hệ thống tiêu thụ xi măng Vicem Hoàng Mai.

+ Tại Hà Tĩnh: Nhà phân phối chưa chủ động, khai thác hiệu quả hệ thống tổng kho tại các huyện để mở rộng mạng lưới cửa hàng tiêu thụ XM Vicem Hoàng Mai cho đến hết tháng 6/2019.

+ Tại Thanh Hóa: Công ty chỉ tham gia thị trường xi măng bao tại các huyện Tĩnh Gia, Nông Cống, Như Thanh, Như Xuân và tham gia cấp xi măng rời vào dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2. Bên cạnh đó, khả năng mở rộng thị trường của nhà phân phối còn ở mức thấp.

+ Tại miền Trung và miền Nam: chương trình marketing, phát triển thương hiệu còn hạn chế, đặc biệt tại các địa bàn mới. Quy mô về logistic chưa đủ mạnh, các giải pháp hỗ trợ logistic chưa đảm bảo chi phí phù hợp để gia tăng lợi nhuận cho nhà phân phối.

3/. Công tác đầu tư xây dựng.

Công tác đầu tư xây dựng trong năm 2019 triển khai chậm so với tiến độ đặt ra, một trong những nguyên nhân chính là do việc thực hiện các dự án phụ thuộc nhiều đến quyết định của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Đối với Dự án xi măng Hoàng Mai 2, Công ty đang triển khai hoàn thiện FS dự án xi măng Hoàng Mai 2 và hoàn thiện các thủ tục để được phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Đối với dự án tận dụng nhiệt thừa phát điện: Công ty đã phối hợp với nhà thầu vấn CCID lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án và trình cấp có thẩm quyền thỏa thuận và phê duyệt.

- Dự án thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng, xin cấp lại giấy phép khai thác mỏ sét Quỳnh Vinh: Công ty đã hoàn thành việc xin gia hạn Giấy phép khai thác Mỏ sét Quỳnh Vinh với thời hạn là 8 năm. Hiện đã hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu thi công thăm dò và nâng cấp trữ lượng, nhà thầu chuẩn bị tiến hành thi công thăm dò theo Đề án đã được Bộ tài nguyên Môi trường phê duyệt.

- Dự án xin cấp lại Giấy phép khai thác Mỏ đá vôi Hoàng Mai B: hiện công ty đang tiếp tục làm việc với Sở TNMT và UBND tỉnh Thanh Hóa để giải trình các vấn đề theo quy hoạch khoáng sản và xử lý các vấn đề chồng chéo về quy hoạch.

4/. Công tác tổ chức, lao động và các công tác khác

Trong năm 2019, Công ty đã và đang hoàn thiện Đề án tái cơ cấu công ty giai đoạn 2019- 2025; đã thực hiện tổ chức lại sản xuất theo chủ trương chung của Tổng công ty, đã tiến hành rà soát lại lao động để giảm số lao động dôi dư đồng thời có chương trình hỗ trợ đối với người lao động chấm dứt hợp đồng lao động.

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2019 là 855 người, giảm 13 người so với thời điểm 01/01/2019.

- Trên cơ sở tổ chức lại bộ máy, sắp xếp lại lao động, công ty đang tiến hành rà soát lại để sửa đổi, ban hành mới quy chế tiền lương, quy chế đào tạo cho phù hợp với điều kiện, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời đảm bảo tính công bằng cho cán bộ, người lao động. Trước mắt, từ ngày 01/01/2020, Công ty đã thực hiện phương án giao quỹ lương đến các đơn vị trong công ty.

- Năm 2019, Công ty thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, BHXH, BHYT, BHTN, trợ cấp ốm đau, thai sản, khám sức khỏe định kỳ, tham quan du lịch học tập kinh nghiệm, giao lưu VHVN, TDTT cho CBCNV lao động của Công ty;

- Năm 2019, Công ty thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về công tác an toàn lao động trong sản xuất; đã tiến hành rà soát lại tất cả các quy trình, quy định về công tác an toàn. Tuy nhiên, trong năm 2019, Công ty đã để xảy ra một vụ tai nạn lao động nghiêm trọng đáng tiếc trong khu vực sản xuất.

- Trong năm 2019, công tác vệ sinh môi trường cũng được Công ty đặc biệt quan tâm; đã thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc online, thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định; xây dựng quy trình xử lý, phân loại rác thải để đốt thay thế nhiên liệu, ký hợp đồng thuê đơn vị chuyên môn về môi trường xử lý chất thải nguy hại cho Công ty.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020.

Căn cứ trên dự báo cung cầu xi măng, khả năng huy động thiết bị và các nguồn lực của Công ty, Hội đồng quản trị đã thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch SXKD năm 2020, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020
1	Sản lượng sản xuất		
1.1	Clinker	Tấn	1.420.000
1.2	Xi măng (bao gồm gia công)	Tấn	1.600.000
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	
2.1	Clinker	Tấn	260.000
2.2	Xi măng	Tấn	1.600.000
3	Doanh thu thuần	Tr. Đồng	1.646.759
4	Lợi nhuận		
4.1	Lợi nhuận trước thuế TNDN và CLTG cuối kỳ	Tr. Đồng	26.040
4.2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	26.040
4.3	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	20.832
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu	%	2,2
6	Tỷ lệ trả cổ tức	%	0
7	Quỹ tiền lương	Tr. Đồng	123.018
8	Sử dụng lao động trong năm	Người	862
9	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	46,85

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Quý vị cổ đông./.

Hoàng Mai, ngày 09 tháng 3 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đinh Quang Dũng

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Thực hiện chủ trương sử dụng tro, xỉ thạch cao và các sản phẩm phế thải công nghiệp khác của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất, nhà máy gang thép... với mục tiêu bảo vệ môi trường, giảm sử dụng tài nguyên khoáng sản không tái tạo và giảm giá thành trong sản xuất, trong năm 2019, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai đã triển khai thử nghiệm và đưa các loại tro, xỉ từ các nhà máy gang thép, nhiệt điện vào sản xuất xi măng có hiệu quả. Hiện nay công ty đang tiến hành lấy mẫu chạy thử nghiệm bùn thải lấy từ Nhà máy gang thép Hưng nghiệp Formosa để thay thế một phần đá sét trong sản xuất bột liệ. Bên cạnh đó, Công ty đang nghiên cứu đốt thử nghiệm rác thải trong lò nung clinker với mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng than đốt nung luyện clinker, giảm giá thành. Các chương trình thử nghiệm này, bước đầu mang lại hiệu quả trong sản xuất xi măng và có tác động tích cực đến việc bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, hiện nay, ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định trong Điều lệ chưa có ngành nghề kinh doanh thu gom, xử lý chất thải nguy hại. Căn cứ Điều 5, Điều lệ Công ty quy định "*Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua*".

Vì vậy, để triển khai chương trình thu gom, xử lý đốt rác thải công nghiệp và sử dụng các phế thải công nghiệp như bùn, tro, xỉ góp phần bảo vệ môi trường đồng thời giảm giá thành tăng tính cạnh tranh trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung:

1/ Thống nhất bổ sung ngành nghề kinh doanh thu gom, xử lý rác thải thông thường, rác thải và chất thải nguy hại vào ngành nghề kinh doanh của Công ty.

2/ Thống nhất Sửa đổi Điều lệ công ty liên quan đến nội dung bổ sung ngành nghề kinh doanh nói trên và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký, bổ sung ngành nghề kinh doanh với cơ quan quản lý Nhà nước theo đúng quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đình Quang Dũng

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, Đại hội đã thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 2% và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 1%. Tuy nhiên, do đại diện chủ sở hữu (Bộ Xây dựng) “Không đồng ý chấp thuận chủ trương tăng vốn điều lệ tại Vicem Hoàng Mai thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018”. Theo đó, Ngày 31/12/2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 79/NQ-XMHHM-HĐQT thống nhất dừng thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và sẽ xem xét, chuyển đổi hình thức chi trả cổ tức năm 2018 để đảm bảo quyền lợi cao nhất cho cổ đông.

Mặt khác, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua mức chi trả cổ tức năm 2019 dự kiến là 3%.

Từ những lý do trên, đồng thời căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, lợi nhuận sau thuế lũy kế đến thời điểm 31/12/2019. Nhằm thực hiện đầy đủ quyền lợi cho cổ đông, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Số tiền
I	Vốn điều lệ	đồng	720.000.000.000
II	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2019	đồng	34.117.576.691
	<i>Trong đó</i>		
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2019	đồng	24.637.046.677
2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	đồng	
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	đồng	(4.112.443.687)
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	đồng	20.524.602.990
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm trước	đồng	13.592.973.701

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Số tiền
III	Phân phối lợi nhuận		
1	Cổ tức phải trả (Tỷ lệ 4%)	đồng	27.691.440.000
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (0,65 tháng lương)	đồng	6.222.053.358
3	Quỹ thưởng Người quản lý công ty (1 tháng lương)	đồng	204.083.333
4	Trích quỹ Đầu tư phát triển	đồng	-
5	Lợi nhuận còn lại	đồng	-

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019 dự kiến là 4% (Trong đó, từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2018 là 2% và nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 2%)

Ghi chú: Đối với cổ tức phải trả năm 2019 theo tỷ lệ 4%, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai sẽ thực hiện chi trả bằng cổ phiếu. Trong trường hợp chủ trương phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức không được thông qua, Công ty xin thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đinh Quang Dũng

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ban hành ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực Chứng khoán;

Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật chứng khoán

Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012; có hiệu lực từ ngày 01/09/2015;

Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Nhằm thực hiện quyền lợi cho cổ đông, đồng thời đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư “Dự án tận dụng nhiệt thừa phát điện Nhà máy Xi măng Hoàng Mai”, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019, cụ thể như sau:

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

- 1. Tổ chức phát hành:** CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
- 2. Mã chứng khoán:** HOM
- 3. Loại cổ phiếu phát hành:** Cổ phiếu phổ thông.
- 4. Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu .
- 5. Vốn điều lệ hiện nay:** 720.000.000.000 đồng.



6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 69.228.600 cổ phiếu.

7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành trả cổ tức 2019 (4%): 2.769.144 cổ phiếu.

8. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 27.691.440.000 đồng.

9. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 747.691.440.000 đồng.

10. Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2019 với tỷ lệ 4%.

11. Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai tại ngày chốt danh sách để phát hành cổ phiếu trả cổ tức.

12. Nguồn vốn thực hiện phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2019 theo Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty.

13. Mục đích phát hành: Tăng vốn điều lệ

Đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư “Dự án tận dụng nhiệt thừa phát điện Nhà máy Xi măng Hoàng Mai” và các Dự án đầu tư trong năm 2020.

14. Tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu: 4%

Tỷ lệ 100:4: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 04 cổ phiếu mới.

Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: Cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 203 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:4, cổ đông A sẽ được 8,12 cổ phiếu. Theo nguyên tắc tính toán trên, số lượng 0,12 cổ phiếu lẻ sẽ được hủy bỏ. Như vậy, cổ đông A sẽ nhận được tổng cộng 08 cổ phiếu mới.

Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.

Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.

15. Niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm:

Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2019 sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi kết thúc đợt phát hành.

16. Thời điểm phát hành dự kiến: Trong năm 2020.

17. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện:

+ Lựa chọn thời điểm phát hành cụ thể và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc hoàn tất phương án phát hành, xin phép phát hành và triển khai thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

+ Lập phương án phát hành chi tiết, lựa chọn đơn vị tư vấn phát hành.

+ Phê chuẩn các hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.

+ Hoàn tất các thủ tục cần thiết để tăng vốn điều lệ của Công ty.

+ Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung số cổ phiếu được phát hành theo phương án nêu trên.

+ Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty để ghi nhận số vốn điều lệ mới tăng thêm từ đợt phát hành.

Trong trường hợp chủ trương phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2019 không được Bộ xây dựng đồng ý thông qua, Công ty xin được chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đinh Quang Dũng



Nghệ An, ngày 12 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai báo cáo kết quả thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về tình hình quản trị và hoạt động SXKD của Công ty năm 2019 với những nội dung sau:

PHẦN I: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

Năm 2019 là năm Việt Nam đạt được những chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực, đạt tương đối đồng bộ các mục tiêu tổng quát đã được Quốc hội đề ra; là năm thứ 2 liên tiếp đạt và vượt toàn bộ 12/12 chỉ tiêu Quốc hội giao. GDP đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,9%, đóng góp 50,4% vào mức tăng chung. Chính sách tiền tệ được điều hành hiệu quả, giữ ổn định thị trường ngoại tệ, tỷ giá; dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng mạnh.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2019 đạt 2.047 nghìn tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm 2018 và bằng 33,9% GDP.

Thị trường xi măng nội địa tiếp tục tăng trưởng, tổng sản lượng xi măng, clinker tiêu thụ năm 2019 khoảng 98 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2018. Trong đó, xi măng tiêu thị nội địa khoảng 67 triệu tấn, tăng 1%, xuất khẩu sản phẩm xi măng và clinker khoảng 31 - 32 triệu tấn, tương đương năm trước, giá trị xuất khẩu ước đạt 1,27 tỉ USD.

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, ủng hộ của Tổng công ty Xi măng Việt Nam trong công tác sản xuất, kinh doanh và sự quan tâm, ủng hộ của các cấp chính quyền địa phương.

2. Khó khăn:

Giá nguyên, nhiên vật liệu năm 2019 có xu hướng tăng, đặc biệt chi phí năng lượng tăng gây ra khó khăn cho ngành xi măng, cụ thể: Giá điện tăng thêm 8,36% kể từ ngày 20/3/2019, theo đó giá điện bình quân đã tăng từ 1.720 đồng lên 1.850 đồng/KWh (chưa gồm VAT). Giá điện tăng tác động mạnh đến chi phí năng lượng trong giá thành sản phẩm của clinker và xi măng.

Bộ Công thương và Thương mại Philippines (DTI) áp dụng biện pháp tự vệ trong 3 năm tới với xi măng nhập khẩu từ Việt Nam. Biện pháp này đã có hiệu lực từ ngày 18/9/2019. Điều này sẽ làm ảnh hưởng giảm sản lượng và giảm hiệu quả khi xuất khẩu xi măng sang Philippines.

Thị trường xi măng trong nước vẫn trong tình trạng “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt. Nguồn cung tại miền Trung gia tăng khi dây chuyền 3 xi măng Thành Thắng (Hà Nam) và xi măng Nam Đông (Thừa Thiên Huế) ra mắt sản phẩm mới trên thị trường. Các Nhà máy có công suất lớn như: Thành Thắng, Xuân Thành, Long Sơn, Hạ Long, SCG đã và đang đầu tư kho vận, trạm phân phối để mở rộng thị trường Miền Trung - Tây nguyên.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2019

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019

Năm 2019, mặc dù có rất nhiều khó khăn thách thức trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là công tác tiêu thụ sản phẩm, nhưng Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng Giám đốc đề ra các giải pháp nhằm khắc phục khó khăn, duy trì tinh thần làm việc nghiêm túc và nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, người lao động trong Công ty thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã đề ra. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019	Thực hiện năm 2019	% TH 2019/ KH 2019
A	SẢN XUẤT				
1	Clinker	Tấn	1.400.000	1.431.803	102%
2	Xi măng	Tấn	1.980.000	1.550.200	78%
B	TIÊU THỤ				
	Tổng SLTT	Tấn	2.020.000	1.905.148	94%
1	Clinker	Tấn	40.000	366.686	917%
2	Xi măng	Tấn	1.980.000	1.538.463	78%
C	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.877.783	1.652.709	88%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	38.009	24.637	65%

2. Việc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền:

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, năm 2019 Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp trực tiếp và 11 cuộc họp không trực tiếp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua việc giao ban công việc hàng quý, tham dự và có ý kiến chỉ đạo

trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT thông qua. Năm 2019, Hội đồng quản trị thông qua một số nội dung chính như sau:

- Thống nhất phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2019 của Công ty;

- Thống nhất phê duyệt kế hoạch và thông qua kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý của Công ty;

- Thống nhất chủ trương triển khai một số gói thầu trước phục vụ báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc dự án Xi măng Hoàng Mai 2 - Giai đoạn 1;

- Thống nhất chủ trương lập dự án đầu tư cảng Vicem Hoàng Mai tại Đông Hội, Nghệ An;

- Thống nhất thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và giao cho Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị liên quan chuẩn bị đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành đại hội;

- Thống nhất nội dung Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hội, Nghệ An từ Tổng công ty Xi măng Việt Nam về Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai;

- Thống nhất điều chỉnh Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty: Thành lập Ban Đầu tư xây dựng, Xí nghiệp Khai thác Mỏ, Xí nghiệp Dịch vụ Công nghiệp và đổi tên một số đơn vị phòng/ban trong Công ty;

- Thống nhất thông qua Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai; thống nhất sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quy chế tiền lương, Quy chế tuyển dụng của Công ty cho phù hợp với các quy định hiện hành;

- Thống nhất phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xi măng Hoàng Mai 2 – Giai đoạn 1 với tổng mức đầu tư ước tính (chưa bao gồm thuế VAT): 6.124 tỷ đồng;

- Thống nhất phê duyệt các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật năm 2019 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai;

- Thống nhất dừng thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;

- Thống nhất tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai – Xí nghiệp Bê tông và Xây dựng;

- Thống nhất bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Công ty và phê duyệt một số nội dung khác theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị theo

đổi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD trong năm 2019 thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT; Xem xét, giám sát báo cáo tài chính của Ban điều hành. Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD của Công ty.

Việc tổ chức các cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị từ thông báo mời họp, chương trình nghị sự, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ quyết định tại cuộc họp cũng như các cuộc họp không trực tiếp theo hình lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định từ thể thức, nội dung và tài liệu liên quan đều được Hội đồng quản trị thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Những vấn đề Hội đồng quản trị bàn thảo, quyết định tại cuộc họp đều được ghi lại bằng biên bản; các quyết định Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được ban hành bằng Nghị quyết để cơ quan điều hành thực hiện và được lưu giữ đầy đủ, đúng quy định.

Trên cơ sở các tài liệu được chuẩn bị chi tiết, chu đáo của cơ quan điều hành và được gửi trước, với tinh thần trách nhiệm cao của mỗi thành viên nên các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua sát với yêu cầu thực tiễn sản xuất kinh doanh của Công ty đặt ra; tất cả các quyết định được thông qua với tỷ lệ 100% thành viên tham gia dự họp tán thành.

3. Công tác chuẩn bị và tổ chức để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, Hội đồng quản trị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, từ khâu chuẩn bị các điều kiện đại hội, triệu tập đại hội đến việc thực hiện chương trình đề ra cho đại hội. Hội đồng quản trị đã điều hành Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 hoàn thành tốt chương trình nghị sự - thông qua toàn bộ chương trình gồm có 08 nội dung mà Hội đồng quản trị đã thông báo đến các cổ đông, trong đó các nội dung được thông qua với tỷ lệ tán thành rất cao. Sự thành công của Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 đánh giá sự chuẩn bị tốt của Hội đồng quản trị cho các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý.

Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, các đồng chí trong Ban Tổng Giám đốc phải trình bày báo cáo và kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết liên quan đến nhiệm vụ mình phụ trách. Năm 2019, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để điều hành. Cơ quan điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp

khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ và thực hiện tiết giảm các định mức trong sản xuất.

5. Một số tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những nội dung Công ty đã thực hiện tốt trong lĩnh vực sản xuất năm 2019 vẫn còn những khó khăn, tồn tại cần sự hỗ trợ, giúp đỡ của Tổng công ty và sự nỗ lực phấn đấu của Công ty để thực hiện tốt trong năm 2020 cụ thể như sau:

- Chưa giải quyết triệt để được các nút thắt công nghệ trong dây chuyền như: khả năng cháy của calciner, hiệu suất lắng của tháp trao đổi nhiệt, hiệu suất làm nguội của cooler...

- Năng suất của máy nghiền xi măng và máy đóng bao mặc dầu đã được cải thiện nhưng chưa đáp ứng như kỳ vọng và có những thời điểm chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu xuất hàng tiêu thụ.

- Hàm lượng vật liệu sét cứng tại Mỏ sét Quỳnh Vinh chiếm trên 60% gây khó khăn trong việc khai thác và ảnh hưởng nhiều đến chất lượng phối liệu.

- Tiêu hao than cho sản xuất clinker thực hiện trong năm 2019 đã giảm so với những năm trước, tuy nhiên chưa đạt được mục tiêu, nguyên nhân chính là Công ty chưa giải quyết được các nút thắt công nghệ trong dây chuyền sản xuất.

PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Trên cơ sở nhận định tình hình kinh tế xã hội năm 2020, khả năng khai thác năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; phát huy kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại năm 2019, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo thực hiện một số nội dung cơ bản như sau:

1. Về các chỉ tiêu chính trong sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020
1	Sản lượng sản xuất		
	<i>Clinker</i>	Tấn	1.420.000
	<i>Xi măng sản xuất tại nhà máy</i>	Tấn	1.600.000
	<i>Xi măng thuê gia công ngoài</i>	Tấn	50.000
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	
	<i>Clinker</i>	Tấn	260.000
	<i>Xi măng</i>	Tấn	1.600.000
3	Doanh thu thuần	Tr. Đồng	1.646.759
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	26.040
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	20.832
6	Nộp ngân sách	Tỷ Đồng	46,85
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	0

2. Công tác đầu tư xây dựng

- Đối với Dự án Xi măng Hoàng Mai 2: Tích cực làm việc với chính quyền địa phương và các cấp có thẩm quyền để triển khai thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc đầu tư Dự án; triển khai đồng thời các bước chuẩn bị của Dự án và chuẩn

bị nguồn vốn thực hiện Dự án; triển khai thăm dò mỏ đá vôi Bắc Thăng và mỏ sét Đá Bạc.

- Đối với Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông & Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi và Dự án cảng VICEM Đông Hồi: thực hiện tiếp nhận các dự án từ Tổng công ty Xi măng Việt Nam khi được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

- Đối với Dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện: Tích cực làm việc với CCID và Phòng Đầu tư xây dựng VICEM để sớm triển khai các bước phê duyệt và thực hiện Dự án.

- Thực hiện các dự án đầu tư, cải tạo, sửa chữa công trình kiến trúc khác theo kế hoạch được phê duyệt.

3. Một số công tác khác

Tiếp tục chỉ đạo theo chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2019 - 2025; triển khai thực hiện theo kế hoạch năm 2020 để từng bước nâng cao uy tín, thương hiệu Vicem Hoàng Mai trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tập trung giải quyết triệt để các nút thắt công nghệ trong dây chuyền, giảm tiêu hao trong sản xuất; đẩy mạnh công tác đổi mới sáng tạo để đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, đảm bảo minh bạch trong mọi hoạt động, thực hiện tốt vai trò chỉ đạo và giám sát các hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, tăng cường tính chủ động, hiệu quả, trách nhiệm.

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (4.0) trong công tác sản xuất, quản lý, tiêu thụ, bảo vệ môi trường.

Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường: thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống lọc bụi toàn nhà máy; trồng cây xanh, dùng xe hút bụi các tuyến đường nội bộ nhà máy, không để phát thải rác thải trong nhà máy, lập phương án xử lý phế thải ...

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về hoạt động quản trị doanh nghiệp của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Hội đồng quản trị Công ty xin chân thành cảm ơn các Quý vị cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đình Quang Dũng

Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam kiểm toán và đã được Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai công bố thông tin theo quy định, cụ thể như sau:

Nội dung báo cáo gồm 2 phần:

- Phần I: Báo cáo của kiểm toán độc lập.
- Phần II: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gồm:
 - Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2019;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019;
 - Thuyết minh Báo cáo tài chính vào ngày 31/12/2019 cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán được đính kèm Tờ trình này.

Các nội dung chi tiết của báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán được công bố thông tin trên website ximanghoangmai.vn, tại mục Quan hệ cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đinh Quang Dũng

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 40

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty"), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp vào ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Trần Đức Danh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên
Ông Trần Việt Hồng	Thành viên
Ông Lê Trung Kiên	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Việt Hồng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2019
Ông Đặng Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2019
Ông Lê Quý Thạch	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2019
Ông Lê Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Thái Huy Chương	Thành viên
Ông Cao Trọng Nghiên	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Việt, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 




Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 60862266/21045313

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty") được lập ngày 9 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		537.780.692.996	613.432.014.753
110	I. Tiền	4	39.853.982.745	129.160.069.556
111	1. Tiền		39.853.982.745	129.160.069.556
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		199.380.441.610	199.658.250.843
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	146.133.037.738	168.469.465.020
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.620.074.723	4.432.814.767
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	55.782.501.411	31.526.931.520
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1,6	(4.155.172.262)	(4.770.960.464)
140	III. Hàng tồn kho	8	273.596.291.775	256.666.768.994
141	1. Hàng tồn kho		274.782.982.201	257.859.099.387
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.186.690.426)	(1.192.330.393)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		24.949.976.866	27.946.925.360
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	23.788.451.809	18.625.155.222
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.161.525.057	9.321.770.138
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		992.261.331.141	1.067.494.759.622
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.292.107.957	5.648.195.221
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	10.292.107.957	5.648.195.221
220	II. Tài sản cố định		727.297.211.101	768.900.115.942
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	726.480.134.497	768.352.194.420
222	Nguyên giá		2.985.099.287.045	2.894.729.827.713
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.258.619.152.548)	(2.126.377.633.293)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	817.076.604	547.921.522
228	Nguyên giá		2.518.923.370	2.168.923.370
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.701.846.766)	(1.621.001.848)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		48.128.766.530	89.062.600.449
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	48.128.766.530	89.062.600.449
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		12.000.000.000	12.000.000.000
255	1. Các khoản đầu tư tài chính	13	12.000.000.000	12.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		194.543.245.553	191.883.848.010
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	69.842.184.454	62.478.415.381
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	8	124.701.061.099	129.405.432.629
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.530.042.024.137	1.680.926.774.375

32-0
 CÔNG TY
 TNHH
 & Y
 T N
 NH
 HÀ N
 KIỂM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		576.775.631.040	740.843.760.519
310	I. Nợ ngắn hạn		532.670.306.521	702.246.644.183
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	230.703.830.081	334.091.780.926
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	6.414.217.852	1.245.371.099
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	28.153.591.797	15.453.741.484
314	4. Phải trả người lao động		29.370.370.493	25.166.942.194
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.835.611.367	18.091.972.343
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	7.037.726.948	18.141.206.954
320	7. Vay ngắn hạn	18	227.630.057.983	286.704.146.040
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	19	524.900.000	3.351.483.143
330	II. Nợ dài hạn		44.105.324.519	38.597.116.336
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	41.123.414.721	37.010.971.034
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	2.981.909.798	1.586.145.302
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		953.266.393.097	940.083.013.856
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	953.266.393.097	940.083.013.856
411	1. Vốn cổ phần		720.000.000.000	720.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		720.000.000.000	720.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		19.138.086.811	19.138.086.811
415	3. Cổ phiếu quỹ		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		208.210.192.057	208.210.192.057
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34.117.576.691	20.934.197.450
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		13.592.973.701	1.874.651.152
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		20.524.602.990	19.059.546.298
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.530.042.024.137	1.680.926.774.375



Trần Văn Đức
Người lập



Đậu Thị Nga
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc


Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.668.965.663.566	1.734.375.639.478
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(16.256.407.541)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.652.709.256.025	1.734.375.639.478
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.468.983.750.732)	(1.524.899.638.375)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		183.725.505.293	209.476.001.103
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	1.337.532.904	1.137.953.465
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(22.696.622.632) (22.372.717.528)	(19.914.348.170) (19.880.386.365)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(65.231.256.035)	(99.909.301.696)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(74.965.303.255)	(71.160.918.603)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.169.856.275	19.629.386.099
31	11. Thu nhập khác	26	3.123.560.401	3.863.005.885
32	12. Chi phí khác	26	(656.369.999)	(300.000.000)
40	13. Lợi nhuận khác		2.467.190.402	3.563.005.885
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.637.046.677	23.192.391.984
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	-	(20.402.000)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(4.112.443.687)	(4.112.443.686)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		20.524.602.990	19.059.546.298
70	18. Lãi trên cổ phiếu	30		
	- Lãi cơ bản		296	169
	- Lãi suy giảm		296	169


Trần Văn Đức
Người lập


Đậu Thị Nga
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		24.637.046.677	23.192.391.984
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10,11	136.604.513.536	134.700.378.270
03	Các khoản dự phòng		4.374.283.861	928.809.808
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(383.683)	(300.588)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.528.567.368)	(1.440.977.816)
06	Chi phí lãi vay	24	22.372.717.528	19.880.386.365
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		186.459.610.551	177.260.688.023
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		1.001.574.946	(21.439.267.983)
10	Tăng hàng tồn kho		(12.219.511.284)	(9.500.064.734)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(114.215.803.050)	81.443.627.385
12	Tăng chi phí trả trước		(12.527.065.660)	(9.631.947.800)
14	Tiền lãi vay đã trả		(22.459.741.991)	(19.902.426.345)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(20.402.000)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.000.000.000	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.167.806.892)	(9.952.761.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		15.871.256.620	188.257.445.546
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(47.558.433.069)	(42.589.389.589)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		454.545.455	307.272.728
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay		1.000.248.557	975.920.388
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(46.103.639.057)	(41.306.196.473)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.484.814.461.232	1.266.203.110.021
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.543.888.549.289)	(1.338.696.723.718)
36	Cổ tức đã trả		-	(18.564.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(59.074.088.057)	(72.512.178.197)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(89.306.470.494)	74.439.070.876
60	Tiền đầu năm	4	129.160.069.556	54.720.698.092
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		383.683	300.588
70	Tiền cuối năm	4	39.853.982.745	129.160.069.556



Trần Văn Đức
Người lập



Đậu Thị Nga
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 858 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 867 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng tại Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán cho công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và vật tư thu hồi và phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán cho nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên các tiêu chí phù hợp theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu bán thành phẩm, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	4 - 11 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.317.673.975	643.859.175
Tiền gửi ngân hàng	38.536.308.770	128.516.210.381
TỔNG CỘNG	39.853.982.745	129.160.069.556

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	139.034.772.059	144.277.183.362
- Công ty TNHH XNK&DV TM An Việt Nam	35.801.643.580	-
- Sở Tài chính Nghệ An (*)	24.573.923.952	35.049.749.991
- Công ty TNHH Trường An	19.511.284.800	13.833.321.436
- Công ty TNHH MTV DV&TM Dũng Trâm	11.934.988.979	2.476.397.981
- Công ty TNHH Thành Luân	10.766.401.962	24.914.553.018
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Miền Trung	3.151.236.412	5.340.593.373
- Công ty Cổ phần Xi măng Việt HP	-	21.902.457.212
- Phải thu các khách hàng khác	33.295.292.374	40.760.110.351
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	7.098.265.679	24.192.281.658
TỔNG CỘNG	146.133.037.738	168.469.465.020
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.800.172.262)	(1.171.012.930)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Đây là khoản công nợ phải thu Sở Tài chính tỉnh Nghệ An đối với hoạt động cung ứng xi măng cho Dự án giao thông nông thôn và phát sinh trong các năm 2016 và 2017. Do Sở Tài chính Nghệ An chưa thể thu xếp nguồn kinh phí ngân sách để trả nợ Công ty đúng thời hạn hợp đồng, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An và Cục thuế tỉnh Nghệ An đã có văn bản cho phép Công ty được nợ các khoản thuế tương ứng với khoản nợ phải thu mà Sở Tài chính tỉnh Nghệ An chưa thanh toán đúng hạn cho Công ty.

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Liên đoàn địa chất Bắc Trung Bộ	489.035.665	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	-	2.728.581.125
- Công ty Cổ phần Thủy lực	-	843.810.000
- Trả trước cho người bán khác	1.131.039.058	860.423.642
TỔNG CỘNG	1.620.074.723	4.432.814.767

6. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng (Trình bày lại)</i>
Ngắn hạn				
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị Xi măng Hoàng Mai (*)	29.309.704.000	-	3.299.389.000	-
Chi hộ dự án Đường tránh Ngã Ba Đồng Lộc (**)	11.345.320.726	-	17.851.086.262	-
Tạm ứng cho cho nhân viên	5.938.163.095	-	2.728.122.990	-
Chi phí chi hộ cho Công ty TNHH XNK và DVTM Việt Nam	3.349.751.965	-	-	-
Ứng trước chi phí hỗ trợ người lao động và công tác an sinh xã hội	3.337.587.653	-	-	-
Tiền lãi phải thu	415.501.000	-	223.908.300	-
Cho vay	355.000.000	355.000.000	355.000.000	-
Phải thu về chi phí đã phát sinh cho Dự án Khu Đô Thị Vicem Hoàng Mai	-	-	6.172.086.734	3.599.947.534
Các khoản phải thu khác	1.731.472.972	-	897.338.234	-
TỔNG CỘNG	55.782.501.411	355.000.000	31.526.931.520	3.599.947.534
Dài hạn				
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	10.292.107.957	-	5.648.195.221	-
TỔNG CỘNG	10.292.107.957	-	5.648.195.221	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	<i>65.562.743.339</i>	<i>355.000.000</i>	<i>37.024.886.728</i>	<i>3.599.947.534</i>
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>511.866.029</i>	<i>-</i>	<i>150.240.013</i>	<i>-</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Đây là khoản tiền bồi thường chi phí giải phóng mặt bằng cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban Nhân dân thị xã Hoàng Mai để thực hiện dự án Khu Đô thị Xi măng Hoàng Mai tại xã Quỳnh Vinh. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang triển khai các bước để chuyển nhượng Dự án này căn cứ theo các quyết định của Tổng giám đốc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và Hội đồng Quản trị Công ty.

(**) Theo Quyết định số 709/VICEM-TGĐ-CĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam ("Vicem") về việc kêu gọi các đơn vị thành viên tham gia hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường tránh đoạn qua Khu Di tích lịch sử ngã ba Đồng Lộc và giao cho Công ty thay mặt Vicem thực hiện dự án này, Công ty đã ứng trước chi phí thực hiện dự án và các khoản chi phí này sẽ được hoàn trả bởi các đơn vị thành viên trong Vicem.

7. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án khu đô thị Vicem Hoàng Mai	-	-	3.599.947.534	-
Công ty Cổ phần xi măng Puzolan	2.658.439.332	-	-	-
Khác	1.496.732.930	-	1.171.012.930	-
TỔNG CỘNG	4.155.172.262	-	4.770.960.464	-

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	107.761.122.266	-	84.213.428.916	-
Nguyên liệu, nhiên liệu	78.093.897.880	(113.872.040)	93.060.060.571	(114.253.190)
Vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ	61.642.469.746	(1.072.818.386)	46.114.177.652	(1.078.077.203)
Thành phẩm	27.285.492.309	-	34.471.432.248	-
TỔNG CỘNG	274.782.982.201	(1.186.690.426)	257.859.099.387	(1.192.330.393)
Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	124.701.061.099	-	129.405.432.629	-
TỔNG CỘNG	124.701.061.099	-	129.405.432.629	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Một phần giá trị hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn như được trình bày trong Thuyết minh số 18.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.192.330.393	1.284.345.983
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	<i>(5.639.967)</i>	<i>(92.015.590)</i>
Số cuối năm	<u>1.186.690.426</u>	<u>1.192.330.393</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa phân bổ (*)	15.741.967.998	12.725.253.175
Chi phí gạch chịu lửa và phụ kiện (*)	5.851.710.820	3.240.389.278
Chi phí tiêu hao tấm lót và bi đạn (*)	1.304.666.665	1.548.424.998
Chi phí sửa chữa nhà cửa kiến trúc	-	318.297.501
Phí bảo hiểm	890.106.326	792.790.270
TỔNG CỘNG	<u>23.788.451.809</u>	<u>18.625.155.222</u>
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa phân bổ (*)	39.202.293.615	44.782.330.600
Chi phí gạch chịu lửa và phụ kiện (*)	12.295.918.425	7.584.596.243
Chi phí tiêu hao tấm lót và bi đạn (*)	8.451.334.596	2.927.525.116
Chi phí sửa chữa nhà cửa kiến trúc	7.399.870.738	5.700.958.700
Chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất mỏ đá vôi (Hoàng Mai B)	2.492.767.080	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	1.483.004.722
TỔNG CỘNG	<u>69.842.184.454</u>	<u>62.478.415.381</u>

(*) Chủ yếu là chi phí thay thế phụ tùng, vật tư phát sinh và được phân bổ vào giá thành sản xuất dựa trên tuổi thọ kỹ thuật của vật tư, phụ tùng sử dụng và thời gian dự kiến thay thế lần kế tiếp. Công ty đã thực hiện phân bổ các chi phí vật tư, thiết bị, phụ tùng xuất dùng cho sửa chữa lớn kể từ thời điểm phát sinh chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	755.378.808.998	2.086.616.060.243	40.374.340.696	12.360.617.776	2.894.729.827.713
- Mua trong năm	-	10.792.175.536	2.127.278.727	468.930.000	13.388.384.263
- Đầu tư XDCB hoàn thành	55.290.399.363	26.101.042.808	-	-	81.391.442.171
- Thanh lý, nhượng bán	(479.657.014)	(3.930.710.088)	-	-	(4.410.367.102)
Số cuối năm	810.189.551.347	2.119.578.568.499	42.501.619.423	12.829.547.776	2.985.099.287.045
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	91.629.282.342	90.291.930.592	23.507.954.846	2.860.066.230	208.289.234.010
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	362.738.016.101	1.722.852.569.393	32.370.872.189	8.416.175.610	2.126.377.633.293
- Khấu hao trong năm	28.665.227.053	103.526.464.540	2.212.209.789	2.119.767.236	136.523.668.618
- Thanh lý, nhượng bán	(469.238.112)	(3.812.911.251)	-	-	(4.282.149.363)
Số cuối năm	390.934.005.042	1.822.566.122.682	34.583.081.978	10.535.942.846	2.258.619.152.548
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	392.640.792.897	363.763.490.850	8.003.468.507	3.944.442.166	768.352.194.420
Số cuối năm	419.255.546.305	297.012.445.817	7.918.537.445	2.293.604.930	726.480.134.497

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, một phần nhà cửa, vật kiến trúc và một số máy móc thiết bị đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (xem thêm tại Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	2.168.923.370
Tăng trong năm	<u>350.000.000</u>
Số cuối năm	<u>2.518.923.370</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.482.223.370
 Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	1.621.001.848
Hao mòn trong năm	<u>80.844.918</u>
Số cuối năm	<u>1.701.846.766</u>
 Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>547.921.522</u>
Số cuối năm	<u>817.076.604</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Hoàng Mai II (*)	23.840.847.476	23.840.847.476
Mỏ đá vôi Hoàng Mai B - giai đoạn III	21.858.500.330	46.661.420.156
Hệ thống dây chuyền đóng bao	-	11.898.038.461
Mua sắm tài sản cố định	1.145.980.000	5.376.777.250
Tổ hợp nhà thương mại Vinh	707.528.924	707.528.924
Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Quỳnh Vinh	495.060.000	495.060.000
Các công trình khác	<u>80.849.800</u>	<u>82.928.182</u>
TỔNG CỘNG	<u>48.128.766.530</u>	<u>89.062.600.449</u>

(*) Đây là các khoản chi phí đầu tư ban đầu cho Dự án Xi măng Hoàng Mai II, chủ yếu là chi phí thăm dò mỏ. Dự án này bao gồm các hạng mục là (i) một trạm nghiền xi măng công suất 1.800.000 tấn xi măng/năm tại Khu Công nghiệp Đông Hải, thị xã Hoàng Mai, (ii) cảng Đông Hải, thị xã Hoàng Mai, và (iii) dây chuyền lò nung clinker công suất 6.000 tấn clinker/ngày tại xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Dự án này đang trong quá trình xin phê duyệt Giấy Chứng nhận Đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu ngân hàng	12.000.000.000	12.000.000.000
TỔNG CỘNG	12.000.000.000	12.000.000.000

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có thời hạn 10 năm, đáo hạn ngày 14 tháng 12 năm 2027 và hưởng lãi suất thả nổi bằng với lãi suất tham chiếu (trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng được niêm yết của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank) + 1,2%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả hàng năm và gốc được thanh toán tại thời điểm đáo hạn. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được quyền mua lại trước hạn toàn bộ trái phiếu đã phát hành này với giá mua lại bằng mệnh giá tại thời điểm tròn 5 năm kể từ ngày phát hành.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số dư	Số có khả năng trả nợ	Số dư	Số có khả năng trả nợ
Phải trả ngắn hạn cho người bán	202.813.735.755	202.813.735.755	222.574.021.670	222.574.021.670
- Công ty TNHH Thương mại Thành Công	25.582.852.561	25.582.852.561	19.758.778.925	19.758.778.925
- Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	15.411.226.050	15.411.226.050	49.781.544.004	49.781.544.004
- Phải trả người bán khác	161.819.657.144	161.819.657.144	153.033.698.741	153.033.698.741
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	27.890.094.326	27.890.094.326	111.517.759.256	111.517.759.256
TỔNG CỘNG	230.703.830.081	230.703.830.081	334.091.780.926	334.091.780.926

14.2 Người mua trả tiền trước

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Hạ tầng Châu Âu	3.779.168.496	60.778.500
Các đối tượng khác	2.635.049.356	1.184.592.599
TỔNG CỘNG	6.414.217.852	1.245.371.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	5.016.046.751	2.409.435.805	5.718.898.631	1.706.583.925
Thuế tài nguyên	3.800.786.125	15.433.080.168	7.177.663.545	12.056.202.748
Tiền thuê đất	2.176.849.001	4.353.698.000	2.176.849.000	4.353.698.001
Thuế giá trị gia tăng	2.127.559.465	11.934.080.637	10.125.031.224	3.936.608.878
Phí bảo vệ môi trường	2.023.749.808	7.559.028.466	3.693.068.698	5.889.709.576
Thuế thu nhập cá nhân	308.750.334	415.323.087	513.284.752	210.788.669
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.992.661.042	2.992.661.042	-
TỔNG CỘNG	15.453.741.484	45.097.307.205	32.397.456.892	28.153.591.797

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí nhân công sửa chữa lớn	1.776.264.100	-
Chi phí hỗ trợ tiêu thụ, khuyến mại	458.700.000	5.874.423.991
Chi phí lãi vay phải trả	262.327.630	349.352.093
Chi phí tiền điện	61.766.418	54.332.244
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	-	8.891.589.243
Chi phí quảng cáo, hội nghị, giới thiệu sản phẩm	-	585.855.870
Chi phí phải trả khác	276.553.219	2.336.418.902
TỔNG CỘNG	2.835.611.367	18.091.972.343

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.038.955.150	2.041.784.150
Chi phí vận tải (*)	1.873.342.333	9.454.605.875
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	329.138.845	1.881.138.245
Phải trả về chi phí của đối tác đã phát sinh cho Dự án Đô Thị Xi măng Hoàng Mai	-	2.572.139.200
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.796.290.620	2.191.539.484
TỔNG CỘNG	7.037.726.948	18.141.206.954

(*) Đây là chi phí vận tải phải trả cho Công ty TNHH Thành Luân liên quan đến dự án Giao thông nông thôn. Theo yêu cầu của Sở Tài chính tỉnh Nghệ An, khoản phải thu của Công ty TNHH Thành Luân đối với Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An liên quan tới dịch vụ vận chuyển xi măng cung ứng cho Dự án giao thông nông thôn được chuyển giao cho Công ty để làm đầu mối thu nợ tập trung với Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An (Thuyết minh số 5.1). Theo đó, Công ty sẽ thanh toán cho Công ty TNHH Thành Luân khi nhận được phần thanh toán tương ứng từ Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngân hàng	286.704.146.040	286.704.146.040	1.484.814.461.232	1.543.888.549.289	227.630.057.983	227.630.057.983	
TỔNG CỘNG	286.704.146.040	286.704.146.040	1.484.814.461.232	1.543.888.549.289	227.630.057.983	227.630.057.983	

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Công	93.549.123.891	Từ 5 đến 6 tháng. Tiền lãi trả hàng tháng. Đáo hạn từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020.	6,8%	Một số phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, và hàng tồn kho.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Diễn	67.810.955.041	3 tháng. Tiền lãi trả hàng tháng. Đáo hạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2010 đến ngày 30 tháng 3 năm 2020.	6,8%	Một số nhà xưởng, công trình xây dựng của Dây chuyền sản xuất xi măng Hoàng Mai.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An	66.269.979.051	Từ 3 đến 6 tháng. Tiền lãi trả hàng tháng. Đáo hạn từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020.	6,7% - 6,8%	Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 200 tỷ VND, các quyền thu hồi nợ bán hàng và các lợi ích liên quan đến số hàng tồn kho này. Một số máy móc, thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng của Dây chuyền sản xuất xi măng Hoàng Mai.

Tổng cộng
227.630.057.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	3.351.483.143	13.304.244.143
Trích lập trong năm (<i>Thuyết minh số 21.1</i>)	7.341.223.749	-
Bên liên quan ủng hộ Công đoàn Công ty (<i>Thuyết minh số 29</i>)	6.000.000.000	-
Sử dụng trong năm	<u>(16.167.806.892)</u>	<u>(9.952.761.000)</u>
Số cuối năm	<u>524.900.000</u>	<u>3.351.483.143</u>

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự phòng phải trả phí hoàn nguyên môi trường	<u>2.981.909.798</u>	<u>1.586.145.302</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.981.909.798</u>	<u>1.586.145.302</u>

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Đơn vị tính: VND
Năm trước						
Số đầu năm (Trình bày lại)	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	1.874.651.152	921.023.467.558
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	19.059.546.298	19.059.546.298
Số cuối năm (Trình bày lại)	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	20.934.197.450	940.083.013.856
Năm nay						
Số đầu năm (Trình bày lại)	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	20.934.197.450	940.083.013.856
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	20.524.602.990	20.524.602.990
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(7.341.223.749)	(7.341.223.749)
Số cuối năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	34.117.576.691	953.266.393.097

(*) Trong năm, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018 theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019.

Cũng theo Nghị Quyết nêu trên, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu với tổng số tiền là 13.845.720.000 đồng. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 79/NQ-XMHHM-HĐQT về việc dừng thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu và sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất về phương án thay thế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông VND	Tỷ lệ %	Cổ phiếu phổ thông VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	510.918.000.000	70,96	510.918.000.000	70,96
Các cổ đông khác	209.082.000.000	29,04	209.082.000.000	29,04
TỔNG CỘNG	720.000.000.000	100,00	720.000.000.000	100,00

21.3 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	72.000.000	72.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	72.000.000	72.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông	72.000.000	72.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.771.400)	(2.771.400)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.228.600	69.228.600
Số lượng cổ phiếu phổ thông	69.228.600	69.228.600

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.000 đồng Việt Nam).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là HOM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

22.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	1.668.965.663.566	1.734.375.639.478
Doanh thu bán xi măng và clinker	1.653.790.680.348	1.704.369.673.978
Doanh thu khác	19.920.747.444	30.005.965.500
Giảm trừ doanh thu khác	(4.745.764.226)	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	16.256.407.541	-
Hàng bán bị trả lại	16.256.407.541	-
Doanh thu thuần	1.652.709.256.025	1.734.375.639.478
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	1.623.962.112.593	1.722.249.710.389
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 29)</i>	28.747.143.432	12.452.062.726

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.191.841.257	1.121.688.938
Lãi chênh lệch tỷ giá	145.691.647	16.264.527
TỔNG CỘNG	1.337.532.904	1.137.953.465

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn bán xi măng và clinker	1.461.353.011.944	1.500.869.093.761
Giá vốn bán sản phẩm khác	12.376.503.014	24.030.544.614
Giảm trừ giá vốn khác	(4.745.764.226)	-
TỔNG CỘNG	1.468.983.750.732	1.524.899.638.375

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	22.372.717.528	19.880.386.365
Lỗ chênh lệch tỷ giá	57.702.104	33.961.805
Chi phí tài chính khác	266.203.000	-
TỔNG CỘNG	22.696.622.632	19.914.348.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	17.672.374.757	25.108.964.576
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	10.364.631.565	12.938.752.943
Chi phí hội nghị, khánh tiết	7.955.165.052	10.240.354.641
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ tiêu thụ	8.325.277.955	25.252.304.991
Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm	3.741.042.923	3.404.308.883
Chi phí chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường	2.697.497.957	2.017.477.257
Chi phí lợi thế thương mại	-	1.939.542.460
Chi phí khác	14.475.265.826	19.007.595.945
	65.231.256.035	99.909.301.696
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	28.522.376.395	27.263.405.672
Chi phí hội nghị, khánh tiết	9.271.608.675	8.042.201.893
Chi phí khấu hao	6.966.563.094	8.995.377.895
Chi phí tư vấn quản trị doanh nghiệp	2.296.993.624	1.651.299.467
Chi phí khác	27.907.761.467	25.208.633.676
	74.965.303.255	71.160.918.603
TỔNG CỘNG	140.196.559.290	171.070.220.299

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác		
Bồi thường tổn thất	1.002.609.110	2.610.037.500
Lãi từ thanh lý tài sản	336.726.111	307.272.728
Thu phạt hợp đồng	421.587.052	152.620.000
Thu nhập khác	1.362.638.128	793.075.657
	3.123.560.401	3.863.005.885
Chi phí khác	656.369.999	300.000.000
Chi phí khác	656.369.999	300.000.000
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	2.467.190.402	3.563.005.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	847.497.070.333	863.047.618.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	362.780.561.251	378.780.561.040
Chi phí nhân công	139.220.601.986	140.721.601.901
Chi phí khấu hao và hao mòn	136.604.513.536	134.700.378.270
Chi phí khác	139.439.316.327	143.492.062.929
TỔNG CỘNG	<u>1.625.542.063.433</u>	<u>1.660.742.222.290</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	20.402.000
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.112.443.687	4.112.443.686
TỔNG CỘNG	<u>4.112.443.687</u>	<u>4.132.845.686</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.637.046.677	23.192.391.984
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	4.927.409.335	4.638.478.397
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế khác	157.767.525	205.631.637
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	20.402.000
Các khoản khác	-	20.095.456
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Lỗi năm trước chuyển sang	(972.733.173)	(751.761.804)
Chi phí thuế TNDN	<u>4.112.443.687</u>	<u>4.132.845.686</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí khấu hao tài sản cố định	41.123.414.721	37.010.971.034	(4.112.443.687)	(4.112.443.686)
	41.123.414.721	37.010.971.034		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh			(4.112.443.687)	(4.112.443.686)

Lỗi chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 706.774.957 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5.570.440.822 VND) có thể sẽ được bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (Trình bày lại) (*)	Đã chuyển lỗ đến 31 tháng 12 năm 2019	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại 31 tháng 12 năm 2019
2017	2022	5.570.440.822	(4.863.665.865)	-	706.774.957
TỔNG CỘNG		5.570.440.822	(4.863.665.865)	-	706.774.957

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra tại ngày của báo cáo tài chính.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do tính không chắc chắn của lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng công ty	Mua than cám	146.919.398.789	195.357.831.216
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Gia công xi măng xuất khẩu	9.513.458.180	56.860.128.524
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua thạch cao	15.511.418.182	26.710.613.033
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	9.304.315.800	26.150.713.900
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Gia công xi măng Bán clinker Quỹ phúc lợi ủng hộ cho Công đoàn Công ty	11.192.066.350 17.555.077.082 3.000.000.000	- - -
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn (*)	4.994.491.581	3.668.776.724
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Quỹ phúc lợi ủng hộ cho Công đoàn Công ty	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	2.285.810.500	6.349.521.900
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	844.184.000	9.736.084.100
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ XMHT 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Gia công xi măng	-	9.192.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Hải Vân	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Bán clinker	-	2.933.929.089
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng công ty	Mua vỏ bao và clinker	-	2.694.112.344

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2018: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ báo cáo thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(*) Theo hợp đồng tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và hợp đồng tư vấn quản trị doanh nghiệp và các phụ lục hợp đồng ký giữa Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và Công ty, Công ty sẽ trả khoản phí hàng năm theo từng hợp đồng cho Tổng Công ty. Theo đó, tổng phí tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và phí tư vấn quản trị doanh nghiệp sẽ được xác định theo tỷ lệ là 0,2% trên doanh thu tiêu thụ clinker và 0,3% trên doanh thu tiêu thụ xi măng và 0,1% trên doanh thu tiêu thụ xi măng công ngoài (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 0,2% trên doanh thu tiêu thụ clinker và 0,2% tính trên doanh thu tiêu thụ xi măng và 0,1% trên doanh thu tiêu thụ xi măng thuê gia công thuê ngoài).

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 – Trạm nghiền Cam Ranh	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền gia công xi măng bán clinker	6.999.311.792	-
Công ty Cổ phần Vicem Hải Vân	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền gia công xi măng	98.953.887	2.098.953.887
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ XMHT 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền gia công xi măng	-	10.111.200.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền xây gạch lò và gia công xi măng	-	11.982.127.771
			7.098.265.679	24.192.281.658
Phải thu khác (Thuyết minh số 6)				
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu tiền do điều chỉnh tỷ lệ tính phí tư vấn	450.978.629	9.584.483
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu vật tư cho vay	60.887.400	135.064.678
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền điện nước	-	5.530.714
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền điện nước	-	60.138
			511.866.029	150.240.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)				
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua than cám	15.411.226.050	49.781.544.004
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao	46.141.400	22.546.141.400
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua thạch cao	6.614.847.200	15.616.064.352
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao	2.803.514.922	11.201.409.670
- Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền mua vỏ bao	1.859.437.690	3.327.798.979
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao	928.602.400	7.551.278.120
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí quản lý	224.687.600	1.312.631.581
Công ty Cổ Phần xi măng Vicem Hải Vân	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí gia công xi măng bao	1.637.064	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ XMHT 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua cát tiêu chuẩn	-	180.891.150
			27.890.094.326	111.517.759.256

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	2.449.000.000	2.160.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	480.000.000	522.000.000
TỔNG CỘNG	2.929.000.000	2.682.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>(Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.524.602.990	19.059.546.298
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(7.341.223.749)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>20.524.602.990</u>	<u>11.718.322.549</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>20.524.602.990</u>	<u>11.718.322.549</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	69.228.600	69.228.600
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>69.228.600</u>	<u>69.228.600</u>
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	<i>296</i>	<i>169</i>
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</i>	<i>296</i>	<i>169</i>

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng từ lợi nhuận để lại của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong kỳ và cho đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm 2019 có thể có ảnh hưởng suy giảm lãi trên mỗi cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Công ty đã thực hiện các điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 căn cứ theo Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 20 tháng 8 năm 2019 với chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 (đã được trình bày trước đây)	Số điều chỉnh (*)	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.784.399.796)	3.013.439.332	(4.770.960.464)
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.187.555.853	3.266.185.631	15.453.741.484
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.186.943.749	(252.746.299)	20.934.197.450
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	2.127.397.451	(252.746.299)	1.874.651.152

(*) Chủ yếu bao gồm các điều chỉnh liên quan đến trích lập dự phòng phải thu khó đòi, phí cấp quyền khai thác khoáng sản và ảnh hưởng tới lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản phí tư vấn

Theo Thông báo kết quả Kiểm toán Nhà nước số 541/TB-KTNN ngày 20 tháng 8 năm 2019, các khoản chi phí liên quan đến phí tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và phí tư vấn quản trị doanh nghiệp phải trả cho Vicem như được trình bày tại Thuyết minh số 29 là phí liên quan đến giao dịch liên kết và hiện tại, chưa có sự thống nhất về mức phí cho cùng một loại dịch vụ phí tư vấn giữa các đơn vị trong Vicem nên cần được loại trừ khỏi chi phí tính thuế khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 với tổng số tiền là 3,3 tỷ đồng. Về vấn đề này, Văn phòng Chính phủ tại Văn bản số 11918/VPCP-KTTH ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn Vicem thực hiện việc hạch toán và xác định chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến hai loại phí tư vấn nêu trên và hiện tại, Công ty và Vicem chưa nhận được văn bản trả lời từ Bộ Tài chính. Do đó, Công ty sẽ thực hiện khuyến nghị nêu trên của Kiểm toán Nhà nước cho năm 2018 và năm 2019 (tổng chi phí tư vấn là 4,6 tỷ đồng) sau khi có hướng dẫn chính thức từ Bộ Tài chính.

Cam kết tiền thuê đất

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	4.353.698.000	4.353.698.000
Từ 1 - 5 năm	7.544.194.800	11.372.853.650
Trên 5 năm	12.062.984.474	12.588.023.624
TỔNG CỘNG	<u>23.960.877.275</u>	<u>28.314.575.275</u>

Cam kết và nợ tiềm tàng về phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đá sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty. Tuy nhiên, theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và hiện tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến kết luận chính thức về việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính.

Ngoài ra, theo Quyết định số 92/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 1 năm 2015 của Bộ Tài nguyên Môi trường phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Công ty có nghĩa vụ nộp số tiền phí cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến hết thời gian cấp phép ngày 31 tháng 12 năm 2042 với tổng giá trị là 48,6 tỷ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Cam kết về phí cải tạo và phục hồi môi trường

Căn cứ theo các công văn thông báo và hướng dẫn UBND tỉnh Nghệ An và Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Nghệ An và Quyết định số 2921/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường về phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án khai thác và sử dụng của mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh mà Công ty được cấp giấy phép khai thác, Công ty có các cam kết liên quan tới việc chi phí cải tạo phục hồi môi trường tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, tổng số tiền phải ký quỹ là 798.971.000 đồng. Theo đó, số tiền phải ký quỹ cho từng năm (giai đoạn từ năm 2009 tới năm 2025) là 34.057.925 đồng.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 2, tổng số tiền ký quỹ là 471.484.000 đồng. Theo đó, số tiền phải ký quỹ cho từng năm (giai đoạn từ năm 2009 tới năm 2025) là 38.745.000 đồng.

Đối với mỏ sét Quỳnh Vinh, tổng số tiền ký quỹ là 5.060.045.000 đồng.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B để nâng công suất lên 2,4 triệu tấn/năm, tổng số tiền ký quỹ là 26.864.440.000 đồng. Theo đó, số tiền phải ký quỹ lần đầu là 4.029.666.000 đồng và số tiền ký quỹ cho từng năm (giai đoạn từ năm 2019 tới năm 2049) là 787.406.000 đồng.

Nợ tiềm tàng về thuế tài nguyên

Công ty có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên (có hiệu lực từ ngày 20 tháng 11 năm 2015) và Thông tư 44/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2017 quy định về khung giá tính thuế tài nguyên (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2017). Theo quy định tại các Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại các Thông tư này, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến để làm cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của các Thông tư này. Do đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành theo Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 1 tháng 12 năm 2017 và Công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế Tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương nếu phải áp dụng giá tính thuế mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Trần Văn Đức
Người lập



Đậu Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

